

## ĐẠO VÀ ĐỜI

HÀ THỨC MINH<sup>(\*)</sup>

### 1- Nhân loại và tôn giáo

Tôn giáo là sản phẩm của nhân loại. Hình như không có dân tộc nào trên đời này không có tôn giáo. Việt Nam cũng vậy! Việt Nam là dân tộc có truyền thống tôn giáo lâu đời. Không hiểu tôn giáo thì cũng không hiểu văn hoá, không hiểu con người. Không hiểu tôn giáo ở Việt Nam thì cũng không hiểu văn hoá, không hiểu con người Việt Nam.

Tôn giáo là người bạn đồng hành với nhân loại từ thuở xa xưa, nhưng liệu nó có tồn tại mãi cùng với con người hay không? Đó là câu hỏi hình như đã có đáp án và hình như cũng chưa có đáp án cuối cùng. Tôn giáo không nhất thiết đòi hỏi chứng minh, nhưng nghiên cứu về tôn giáo thì lại cần phải chứng minh, chứng minh cho cái không cần chứng minh. Tôn giáo xuất hiện rất sớm nhưng không có nghĩa là đồng thời với con người. Vậy nếu nó là sản phẩm của lịch sử thì nó cũng không thể từ chối quy luật sinh – diệt, có nghĩa là cái gì đã sinh ra thì cái đó nhất định sẽ mất đi. Đương nhiên, nếu loài người không còn tồn tại thì tôn giáo cũng chẳng có lí do gì để tồn tại. Nhưng liệu có một ngày nào đó trong tương

lai tôn giáo sẽ mất đi trong khi con người vẫn còn tồn tại hay không?

Triết học Hi Lạp bắt đầu từ vấn đề bản thể luận, kể cả triết học duy vật hay duy tâm đều tồn tại ngược chiều với thần thoại. Tự nhiên hay siêu nhiên là vấn đề thuộc lí trí chứ không phải tín ngưỡng. Nhưng cái "siêu nhiên" lí trí ở Hi Lạp lại là cơ sở của cái tín ngưỡng ở Trung thế kỉ sau này. Chủ nghĩa tư bản cùng với khoa học công nghệ ở thế kỉ XV đã từ giã tín ngưỡng và tín điều ở *Kinh Thánh* để phục hưng lí trí ở thời kì bình minh Hi Lạp. Nói cách khác, một bước tiến của nhận thức là một bước lùi của tôn giáo. Cho nên, rất có lí khi người ta cho rằng, nhận thức là một trong những nguyên nhân của tôn giáo. Nhưng cho dù nhận thức của nhân loại có phát triển đến đâu đi nữa thì khoa học vẫn luôn đứng trước cái chưa biết. Cái chưa biết cho dù càng ngày càng thu hẹp đến đâu đi nữa thì cái chưa biết vẫn là vô hạn. Cái chưa biết và cái không thể biết khác nhau ở chỗ là thừa nhận hay không thừa nhận khoa học, nhưng giống nhau ở chỗ đều

\* PGS. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện thành phố Hồ Chí Minh.

đứng trước cái không thể biết. Chẳng bao giờ khoa học có thể lấp đầy cái không thể biết, có nghĩa là khoa học chẳng thể nào đẩy tôn giáo ra khỏi mảnh đất nhận thức được. Thuốc men ngày càng nhiều nhưng bệnh tật ngày càng lắm. Khoa học tiến triển như vũ bão, đời sống vật chất ngày càng phong phú bao nhiêu thì con người càng cảm thấy bấp bênh, càng cảm thấy thiếu vắng trong đời sống tinh thần bấy nhiêu. Người ta chỉ thấy lí trí đẩy lùi tín ngưỡng nhưng lại không thấy trong khi đẩy lùi tín ngưỡng này lại tạo ra tín ngưỡng kia. Lí trí phủ nhận cái phi lí trí nhưng lí trí cũng tự phủ nhận chính mình. Antinomie của Kant chính là lí trí phủ nhận lí trí. Lí trí phủ nhận lí trí tại sao chỉ được xem là bước lùi mà không biết rằng đó cũng chính là bước tiến. Cho nên Spirokin có lí khi nói rằng, tôn giáo không phải là sai lầm của lí trí. Còn Nhiệm Kế Dũ lại khẳng định, tôn giáo là một bước tiến chứ không phải là một bước lùi của nhân loại.

Nguyên nhân xã hội cũng là một nguyên nhân quan trọng, nếu không muốn nói là quan trọng nhất sản sinh ra tôn giáo. Điều đó hoàn toàn đúng, nhất là trong xã hội có giai cấp. Áp bức giai cấp là nỗi bất hạnh do chính con người gây ra. Nhưng đó cũng chỉ là một trong những nỗi bất hạnh (cho dù là bất hạnh nhất), chứ không phải là nỗi bất hạnh duy nhất. Hơn nữa, tôn giáo ra đời từ trước khi

xã hội có giai cấp chứ không phải sau đó. Cho nên, dù cho trên thế gian này không còn bóng dáng của áp bức giai cấp nhưng nỗi khổ của con người cũng không phải vì vậy mà tan biến. Chừng nào nhân loại còn khổ đau, chừng nào thế giới không có trái tim thì chừng đó tôn giáo vẫn còn là "trái tim của thế giới không có trái tim", chừng nào xã hội không có tinh thần thì lúc đó tôn giáo vẫn là "tinh thần của những điều kiện xã hội không có tinh thần", chừng nào chúng sinh còn thở dài thì lúc đó tôn giáo vẫn tồn tại, vẫn là hiện thân tất yếu của "tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức"<sup>(1)</sup>.

Tâm lí sợ hãi âu cũng là nguyên nhân ra đời của tôn giáo. Nhưng có bao giờ con người hết sợ hãi đâu! Con người sợ hãi trước tự nhiên, trước xã hội và sợ hãi cả bản thân mình. Từ chỗ tự phát đến tự giác, từ chỗ mù quáng đến chỗ nhận thức chân lí, từ vương quốc tất yếu đến vương quốc tự do. Nhưng đến bao giờ con người mới có thể từ vương quốc tất yếu trở thành vương quốc tự do, đến bao giờ con người mới có thể làm chủ hoàn toàn tự nhiên, xã hội và bản thân? Con người trước hết vẫn là con người tự nhiên, từ tự nhiên mà ra, cho nên xét về mặt bản thể luận, con người là khách thể, là thụ động, là tự nhiên được lập trình. Con người không chỉ là khách thể

1. C. Mác, Ph. Ăngghen. *Tuyển tập*. Tập I. Nxb Sự thật 1980, tr. 14.

mà còn là chủ thể, chủ thể năng động, sáng tạo, thậm chí sáng tạo cả chính mình. Con người luôn hướng đến vương quốc tự do, nhưng tự do luôn đi liền với tất yếu. Nói cách khác, con người không bao giờ có thể làm chủ hoàn toàn một khi con người vẫn luôn tồn tại không gì khác hơn là khách thể. Chỉ có cái chết mới chấm dứt mọi nỗi sợ hãi, nhưng cái chết lại là nỗi sợ hãi lớn nhất của con người.

Tôn giáo còn lâu lắm mới có thể từ bỏ nhân loại nếu như không muốn nói là điều đó hình như chẳng bao giờ có thể xảy ra. Mác phê phán Feuerbach đã "hoà tan bản chất tôn giáo vào bản chất của con người"<sup>(2)</sup> không có nghĩa là Feuerbach hoàn toàn sai lầm. Khi "hoà tan bản chất tôn giáo vào bản chất của con người", Feuerbach không phải sai về tôn giáo mà là sai về con người. Nhưng khi bàn về con người thì Feuerbach không sai về con người cảm tính mà sai về con người xã hội. Mác chỉ phê phán và bổ sung chứ không phải phủ định toàn bộ quan điểm của Feuerbach về tôn giáo nhất là nhận định duy vật tuyệt vời xem tôn giáo không gì khác hơn là sự tha hoá của chính bản thân con người. Khoa học công nghệ là động lực phát triển của lịch sử, nó hoàn toàn có thể xoá bỏ nỗi khổ đói nghèo của nhân loại, hay nói cách khác, nó hoàn toàn có thể xoá bỏ tình trạng thiếu thốn về vật chất của con người ở giai

đoạn mà con người khác con vật ở lượng chứ không phải ở chất. Khoa học công nghệ dù phát triển đến đâu cũng không thể xoá bỏ nỗi khổ của con người nếu không muốn nói là nó "giải phóng thể xác khỏi xiềng xích" đói nghèo "bằng cách quàng xiềng xích" đói nghèo "lên tâm hồn con người"<sup>(3)</sup>. Nghệ thuật chỉ có thể đánh bóng cuộc đời hoặc tô đậm thêm nỗi khổ đau của con người. Đạo đức và pháp luật cũng chỉ là trọng tài của trận đấu ở thế gian tuy cương vị có khác nhau. Triết học, nếu được xem như là môn học ở giữa khoa học và tôn giáo, thì may ra nó có thể xoá bỏ ảo tưởng Thiên Đường ở trần gian của tôn giáo. Cho nên, có những tôn giáo vừa là triết học và cũng không loại trừ có những triết học vừa là tôn giáo.

## 2- Đạo và Đời

Siêu việt hoá cái tự nhiên là biểu hiện của tôn giáo và cũng là biểu hiện tập trung của tôn giáo phương Tây. Thiên Đường chẳng gì khác hơn là trần gian được tô hồng, hay nói cách khác, là một thứ trần gian lộn ngược. Tuy giữa "Trời" và "Đất" này vẫn có mối quan hệ với nhau, bởi vì khi kêu gọi người ta hướng về cái thánh thiện trên Trời cũng chỉ để người ta quên đi nỗi bất hạnh ở dưới đất. Nhưng dẫu sao Trời vẫn là Trời và Đất vẫn là Đất. Đi từ trên Trời

2. C. Mác, Ph. Ăngghen. *Tuyển tập*. Tập I. Nxb Sự thật 1980, tr. 257.

3. C. Mác, Ph. Ăng ghen. *Tuyển tập*. Tập I. Nxb Sự thật 1980, tr..26.

xuống và từ dưới Đất lên khác nhau nhiều lắm.

Nếu tôn giáo phương Tây thiên về siêu việt tự nhiên thì tôn giáo phương Đông lại thiên về siêu việt chính bản thân con người. Cho nên, có ý kiến cho rằng, siêu việt hoá của phương Đông là "siêu việt nội tại" (Immanent-transcendent). Tôn giáo phương Tây là bản thể luận được khoác chiếc áo *thần thánh*, còn tôn giáo phương Đông là đạo đức luận được khoác chiếc áo *thánh thần*. Tôn giáo phương Tây hướng về *Thần*, trong khi tôn giáo phương Đông lại hướng về *Thánh*. Cái gọi là "siêu việt nội tại" ở phương Đông đúng ra nên gọi là *thăng hoa đạo đức*. Thánh không phải là Thần, không có phép lạ tạo ra con người như Thần, Thánh cũng là con người nhưng là con người đạt được điểm tối đa về đạo đức, là hiện thân của cái Thiện chứ không phải hiện thân của Đức Tin. Người Việt Nam thường tự hào "sống làm Tướng, chết làm Thần". Thần ở đây cũng không xa cách con người là mấy, hôm qua Thần vẫn còn là Người, là Tướng, hôm nay là Thần. Tướng hay Thần đều yêu nước chống giặc ngoại xâm. Cũng có thể gọi là Thần Gióng, nhưng gọi là Thánh Gióng xem ra có vẻ "gần gũi" hơn. Không gần gũi sao được, bởi vì hôm qua Thánh cũng chỉ là một em bé lên ba bình thường trong một gia đình bình thường. Điều đó chẳng ảnh hưởng gì đến Thánh cả, ranh giới

giữa Thánh và Người chẳng cách nhau là mấy. Về mặt nào đó mà nói, biên độ "siêu việt" này không lớn như ở phương Tây. Cho nên, có người cho rằng, "Kinh Thánh" đúng ra nên gọi là "Kinh Thần" mới phải<sup>(4)</sup>. Balamôn giáo và sau đó là Phật giáo nguyên thủy ở Ấn Độ, nơi tiếp cận với văn minh Hi Lạp, nơi có những vị Thần cư ngụ ở đỉnh cao của dãy núi Himalaya mà trước đây chưa bao giờ có dấu chân con người, đã tạo thành khoảng cách tương đối lớn giữa Đạo và Đời, thậm chí không phải chỉ tạo ra khoảng cách mà còn đặt nó trong quan hệ hoàn toàn đối lập. Một khi Phật giáo vào Việt Nam, Trung Quốc thì biên độ giữa Đạo và Đời không thể không thay đổi, không thể không rút ngắn, có nghĩa là thần thoại trở thành hiện thực và hiện thực cũng trở thành thần thoại. Ở Việt Nam, khắp mọi miền của đất nước, đâu đâu mà không đan xen giữa thần thoại và hiện thực. Ngay giữa thủ đô Hà Nội vẫn còn đó và vẫn còn mãi Hồ Gươm, nơi mà vua Lê Lợi trả kiếm lại cho Thần Kim Quy. Thần thoại và hiện thực có thể đan xen với nhau thì tại sao lại không thể đánh tráo giữa cuộc sống trần tục và những mong ước xa vời chưa có hoặc không thể nào có. Người ta chúc nhau "trẻ mãi không già", "sống lâu muôn tuổi", "vạn sự như ý", v.v... có nghĩa là chúc những điều không bao giờ có

4. *Ngũ kinh tứ thư toàn dịch*. Tập I. Trung Châu cổ tịch xuất bản xã, Trịnh Châu 2000, Lời tựa.

được. Tuy không thể có được nhưng cũng có thể đem lại niềm vui, niềm vui về những điều không thể có. Ai bảo người Việt Nam không thiết thực, nhưng thiết thực không có nghĩa là lúc nào cũng phủ nhận ảo tưởng. Cho nên, giữa thiết thực và "thiết thực ảo" cũng chỉ là anh em sinh đôi. Liệu có thể xem người Nam Bộ là những người thiết thực của những người thiết thực được chăng? Nếu đúng như vậy thì có thể không có gì khó khăn lắm mới có thể giải thích tại sao cả ông Victor Hugo lẫn ông Tôn Trung Sơn và các vị khác lại có mặt ở Toà thánh Tây Ninh. Ai dám khẳng định Victor Hugo, Tôn Trung Sơn, v.v... là Đạo? Là Đời? Chẳng có gì quan trọng, bởi vì Đạo cũng là Đời và Đời cũng là Đạo, có gì khác nhau đâu! Cái khả năng có thể biến thành cái hiện thực cả thời gian lẫn không gian. Cho nên, xuất thế không có nghĩa là lúc nào cũng chạy trốn cuộc đời, nhập thế không có nghĩa là lúc nào cũng ưu tư thời cuộc. Vậy thì nếu như có nhập thế để xuất thế thì tại sao lại không có xuất thế để nhập thế? Ai dám bảo đảm rằng, những người nhập thế đều là những người quan tâm đến thời cuộc? Ai dám khẳng định rằng, những người xuất thế đều là những người quay lưng lại cuộc sống? Nguyễn Trãi xuất thế hay nhập thế? Cùng là thơ phú về núi non nhưng khi đến với Côn Sơn thì ông chẳng khác gì một đạo sĩ, còn khi đến với núi Chí Linh thì ông lại là một chiến

sĩ. Ngô Thì Nhậm là xuất thế hay nhập thế? Khi lui quân về núi Tam Điệp để chờ vua Quang Trung kéo quân ra đánh tan hơn ba mươi vạn quân Thanh thì ông là Ngô Thì Nhậm nhập thế, còn khi là tác giả của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, với tư cách là đệ tử tổ Trúc Lâm thì con người nhập thế Ngô Thì Nhậm đã được thay bằng con người xuất thế Ngô Thì Nhậm. Một trong những vấn đề nan giải mà Phan Bội Châu quan tâm nhất cũng chính là "xử thế phi tài, tị thế nan". Nếu ai chỉ biết lựa chọn một trong hai điều thì có lẽ người đó chưa phải là con cháu của Nguyễn Trãi, Ngô Thì Nhậm. Những bậc tiền bối như vậy còn nhiều trong lịch sử Việt Nam, chẳng hạn như Chu Văn An, Trần Nhân Tông, Nguyễn Thiếp, v.v... và có lẽ khi đọc đoạn trích sau đây ít có ai không phân vân phải chăng đây là của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại đã khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà hay là của cụ già rất đỗi bình thường nào đó đang ung dung tự tại nơi non xanh nước biếc:

"Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em bé chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi"<sup>(5)</sup>.

5. *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập I. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, tr. 161.

### 3- Sống và chết

Không có tôn giáo nào mà không đề cập đến cái chết. Hơn nữa, chính tôn giáo xuất hiện cùng với sự quan niệm về cuộc sống sau cái chết. Cái chết quả là vấn đề "hấp dẫn" đến nỗi không phải chỉ có tôn giáo mà ngay đến triết gia cũng không phải không có người cho rằng triết học là môn học về cái chết. Làm sao có thể học về cái chết được, bởi vì nếu gọi là học thì bao giờ cũng bắt đầu từ kinh nghiệm, không có ngôi nhà tri thức nào mà không xây trên nền kinh nghiệm, nhưng trên đời này từ xưa đến nay chưa một ai từng có cái gọi là "kinh nghiệm" về cái chết cả. Cho nên, Épicure đã có lí khi tách rời giữa sống và chết thành hai lĩnh vực mà bên này không hề biết bên kia. Theo ông thì khi đang sống nghĩa là không chết, và khi đã chết rồi thì còn biết gì nữa đâu! (Tant que nous sommes, la mort n'est pas; quand la mort est, nous ne sommes plus). Đã không còn biết gì nữa, kể cả biết sợ, vậy làm sao lại có thể sợ trước cái chết được? Theo Épicure, sở dĩ người ta sợ chết bởi vì người ta sợ Thượng Đế, cái chết và Thượng Đế liên quan với nhau, nếu không sợ Thượng Đế thì cũng chẳng có lí do gì để sợ chết cả. Thảo nào tôn giáo, Thượng Đế và cái chết có họ hàng mật thiết với nhau là vậy. Cuộc sống quả là đa dạng, ở trời Tây, Épicure tách rời giữa sống và chết, giữa Thượng Đế và con người bao nhiêu thì ở trời Đông, Trang Tử lại

nhập chúng lại với nhau bấy nhiêu, thậm chí chẳng ngần ngại đánh một dấu ngang bằng giữa chúng: "Đẳng vật ngã, tề sinh tử". "Vật" là những cái ngoài "ngã" (ta). Cho nên, hình như "vật" còn bao gồm cả Thượng Đế. Một khi Thượng Đế là Ta mà Ta cũng là Thượng Đế, chết cũng là sống mà sống cũng là chết thì ai hơi đâu mà đi sợ Thượng Đế, hơi đâu mà sợ chết. Trang Chu nằm mơ hoá bướm hay bướm hoá Trang Chu đó ai biết được? Cũng như Mặt Trời lặn chỗ này thì lại mọc chỗ kia, chết nơi này thì lại là sống ở nơi khác! Oái oăm thay, không sợ Trời, không sợ chết như Lão Tử, Trang Tử lại trở thành giáo chủ "danh dự" của Đạo giáo tôn nghiêm, làm cho ai nấy đều phải sợ hãi trước nhân vật chủ trương không biết sợ này. Qua đó, cũng có thể thấy rằng, quan hệ giữa Thượng Đế, tôn giáo và cái chết tuy có khăng khít thật, nhưng mỗi quan hệ này ở phương Đông xem ra cũng chẳng giống với phương Tây.

Có người cho rằng, triết lí của người Việt Nam là triết lí sống còn. Đúng hay không khoan hãy bàn, nhưng có điều là bất kì ai cũng dễ dàng phát hiện câu đầu lưỡi mà người Việt Nam thường thốt ra là: "chết!". Sợ cũng "chết" (sợ chết), buồn cũng "chết" (buồn chết), mà vui cũng "chết" (vui chết), sướng cũng "chết" (sướng chết), v.v... Chỉ cần sơ suất gì đó chút đỉnh thôi cũng có thể thốt lên "chết rồi". Bản thân mình chết chưa đủ, cho nên còn phải thêm vào "chết cha" nữa mới

chịu trôi. Hình như ít có dân tộc nào lại có tập quán như vậy. Dân tộc nào mà chẳng phải trải qua vất vả để sống, nhưng dân tộc Việt Nam có lẽ là một trong những dân tộc vất vả nhất để sống trên thế gian này. Vì vậy nên người Việt Nam rất trân trọng sự sống. Muốn sống, muốn tồn tại thì đương nhiên chẳng ai muốn chết. Nhưng chính dân tộc ưa chuộng thiết thực này lại quan tâm quá nhiều đến cái hình như "không thiết thực". Thế mới biết sống và chết liên quan chặt chẽ với nhau đến chừng nào! Đụng đến cái chết là đụng đến chiều sâu của thế giới tâm linh. Thế giới tâm linh không nhất thiết phải là thế giới thần linh, càng không phải thế giới mê tín dị đoan, tuy rằng giữa những cái đó rất dễ nhầm lẫn. Người Việt Nam không tách rời giữa sống và chết như Epicure và cũng không đồng nhất chúng như Trang Tử. Không phải như Albert Camus cho rằng, cuộc sống "sẽ càng đáng sống nếu nó không có ý nghĩa"<sup>(6)</sup> và càng không xem cái chết như là kẻ thù của cái sống để rồi tuyên chiến với nó giống như Don Quixote tuyên chiến với chiếc cối xay gió. Không để cho niềm tin về cái chết trở thành vấp cớ trong thế giới tâm linh lại trở nên khó xử đối với lí trí trong thế giới hiện thực trần trụi. Không phải chỉ biết sống mà không biết chết, không phải "chết là hết!", sống là gửi, chết mới là về (sinh kí tử quy), sống là tương đối, chết mới là tuyệt đối (vĩnh cửu). Không phải cái

chết nào cũng là giải thoát (liberating death), giá trị của cái chết không phải nằm ở bản thân nó mà chính là nằm ở cái sống. Chua chích ở Việt Nam không cần phải ở tít trên đỉnh núi Ngũ Nhạc hay Nga My làm gì. Bạn chẳng phải đã trông thấy chùa Vĩnh Nghiêm ở ngay giữa đời thường, ở ngay giữa Sài Gòn náo nhiệt đó sao? Từ hiện thực bên ngoài đến chiều sâu của tâm linh có lẽ không cách xa là mấy. Tuy nhiên, thế giới hiện thực bên ngoài không thể thiếu lí tính nhưng thế giới tâm linh bên trong lại không cần điều đó, bởi vì cái chết chẳng để lại kinh nghiệm gì cho người chết và cả cho người sống. Không phải chỉ có tín đồ tôn giáo mới hướng về thế giới tâm linh, bất cứ người Việt Nam bình thường nào cũng tiềm ẩn thế giới tâm linh ở bên trong của thế giới hiện thực bên ngoài.

Vấn đề tôn giáo có còn mãi với nhân loại hay không, thực ra cũng không quan trọng lắm đối với dân tộc mà cái chết tìm thấy giá trị của mình trong cái sống và cái sống trong thế giới hiện thực lại tìm thấy thăng hoa của chính mình trong cái chết ở thế giới tâm linh, cũng như đẹp đạo thì tốt đời, đẹp đời thì tốt đạo. E rằng ở nơi đó tôn giáo không phải là "trái tim" của "thế giới không có trái tim" mà là *một phần trái tim của trái tim đại gia đình dân tộc*./

6. Trích theo: Gail M. Tresdey, Karsten J. Struhl, Richard E. Olsen. *Truy tâm triết học*. Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội 2001, tr. 641.